

847

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1741 /GPMT-SNNMT-CCBVMT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

Theo ý kiến của Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường cơ sở “Trung tâm thương mại Siêu thị Hiệp Trí” tại số 934 Quốc lộ 1A, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Công nghiệp Đông Hưng, kiểm tra ngày 30 tháng 7 năm 2025;

Xét Văn bản số 910/CV-ĐH ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Đông Hưng về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường cơ sở “Trung tâm thương mại Siêu thị Hiệp Trí” tại số 934 Quốc lộ 1A, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 128 /TTr-CCBVMT -TTMT ngày 21 tháng 10 năm 2025.

Thư

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Đông Hưng, địa chỉ trụ sở chính tại Lô 3.2 đường số 2, Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Trung tâm thương mại Siêu thị Hiệp Trí” tại số 934 Quốc lộ 1A, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên Cơ sở: Trung tâm thương mại Siêu thị Hiệp Trí

1.2. Địa điểm hoạt động: số 934 Quốc lộ 1A (nay là đường Đỗ Mười), phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 3700820571 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 8 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1.4. Mã số thuế: 3700820571.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trung tâm thương mại, siêu thị.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích khu đất: 21.324 m².

- Cơ sở có tiêu chí phân loại dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí môi trường tương đương với dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- Hạng mục công trình: Khối nhà chính gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lửng và mái tole; Khối nhà phụ trợ gồm 01 hầm kỹ thuật, 01 tầng trệt, 01 tầng lầu và các hạng mục công trình phụ trợ (theo nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Chủ cơ sở).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

Thị An

quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Công nghiệp Đông Hưng

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Công nghiệp Đông Hưng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, đảm bảo chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép xem xét, giải quyết.

2.6. Giấy phép môi trường này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Đông Hưng, kèm theo yêu cầu về bảo vệ môi trường khi xả chất thải ra môi trường, quản lý chất thải đối với hoạt động của cơ sở; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Chủ cơ sở thực hiện hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường. Công ty Cổ phần Công nghiệp Đông Hưng có trách nhiệm tuân thủ quy chuẩn, quy hoạch có liên quan, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước; thực hiện hoàn tất thủ tục đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đất đai, pháp luật về xử lý, sắp xếp nhà, đất, tài sản,... (nếu có) đối với địa điểm hoạt động theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3: Thời hạn của Giấy phép môi trường: kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành đến hết ngày 16 tháng 5 năm 2033 (theo đề xuất của Chủ cơ sở).

Thư

Giấy phép môi trường có thể chấm dứt trước thời hạn trên theo kết quả giải quyết, xử lý có liên quan của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

Trường hợp Giấy phép môi trường có nội dung thay đổi, hoặc Giấy phép môi trường hết hạn, Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường và quy định khác liên quan.

Điều 4: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Công ty CP Công nghiệp Đông Hưng;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- UBND phường Linh Xuân;
- Trang thông tin điện tử của Sở NNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT (MChâu KV1).06.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngô Quang Sự



PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-SNNMT-CCBVMT ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ bồn cầu, bồn tiểu của khu nhà vệ sinh dành cho khách hàng tại siêu thị.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ bồn cầu, bồn tiểu của khu nhà vệ sinh dành cho nhân viên tại siêu thị.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ lavabo, nước thoát sàn tại siêu thị.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà bếp, khu sơ chế thực phẩm tươi sống, khu vực hoạt động của lò bánh mì, khu vực gian hàng cho thuê (pha chế đồ uống) của siêu thị.
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ vệ sinh thùng chứa và khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt của siêu thị.
- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ vệ sinh tháp giải nhiệt của siêu thị.

Thành phần chất ô nhiễm trong nước thải gồm pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan (TDS), Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: nước thải sau xử lý được đầu nối vào cống thoát nước chung của Thành phố trên đường Đỗ Mười, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Vị trí xả nước thải: Trung tâm thương mại Siêu thị Hiệp Trí tại số 934 đường Đỗ Mười, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tọa độ vị trí xả thải (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', vĩ tuyến 3°): X = 1.202.093; Y = 612.097.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: theo công suất thiết kế 120 m³/ngày đêm, 05 m³/giờ (lưu lượng xả thải thực tế trung bình theo báo cáo của Công ty là 31,5 m³/ngày đêm).

Thư

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục (24/24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (K=1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 – 9	06 tháng/lần (theo đề xuất của Chủ cơ sở)	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1000		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
11	Tổng coliforms	MPN/100ml	5.000		

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 14:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (ban hành

Thị Nam

kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ bồn cầu, bồn tiểu của khu nhà vệ sinh dành cho khách hàng tại siêu thị được thu gom theo đường ống uPVC về bể tự hoại 1 (thể tích 46,3 m³) để xử lý sơ bộ, sau đó chảy về hố thu (thể tích 2,5 m³) của hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ bồn cầu, bồn tiểu của khu nhà vệ sinh dành cho nhân viên tại siêu thị được thu gom theo đường ống uPVC về bể tự hoại 2 (thể tích 46,3 m³) để xử lý sơ bộ, sau đó chảy về hố thu (thể tích 2,5 m³) của hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ lavabo, nước thoát sàn tại siêu thị được thu gom theo đường ống uPVC về hố thu (thể tích 2,5 m³) của hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà bếp, khu sơ chế thực phẩm tươi sống, khu vực hoạt động của lò bánh mì, khu vực gian hàng cho thuê (pha chế đồ uống) của siêu thị được thu gom theo đường ống uPVC về bể tách mỡ (thể tích 76,9 m³) để xử lý sơ bộ, sau đó chảy về hố thu (thể tích 2,5 m³) của hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ vệ sinh thùng chứa và khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt của siêu thị được thu gom theo đường ống uPVC về hố thu (thể tích 2,5 m³) của hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ vệ sinh tháp giải nhiệt của siêu thị được thu gom theo đường ống uPVC về hố thu (thể tích 2,5 m³) của hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K = 1 được bơm theo đường ống uPVC về hố ga nước thải cuối trong phạm vi cơ sở, sau đó nước thải tự chảy theo tuyến cống tròn bê tông cốt thép D800mm thoát vào hệ thống thoát nước chung của Thành phố trên đường Đỗ Mười.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Hố thu → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể SBR → Bể khử trùng → Hố ga lấy mẫu → Hệ thống thoát nước chung của Thành phố trên đường Đỗ Mười.

- Công suất thiết kế: 120 m³/ngày đêm.

Thư

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine, Mật rỉ đường, NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn.

- Vệ sinh hệ thống xử lý nước thải theo đúng công suất, quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Đảm bảo nguồn cung cấp điện để duy trì hoạt động của các máy móc, thiết bị hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên theo dõi và kiểm tra chất lượng nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải; kiểm tra thiết bị, tủ điện, quy trình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Lập sổ theo dõi lưu lượng, tính chất nước thải và sự ổn định của hệ thống xử lý nước thải.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu thiết kế và hướng dẫn vận hành hệ thống.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc dừng hoạt động, toàn bộ nước thải của Cơ sở sẽ được lưu giữ tại hố thu và bể điều hòa, không để nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn xả thải ra môi trường; khắc phục sự cố ngay lập tức. Trong trường hợp sự cố lớn không thể xử lý trong thời gian ngắn, Chủ cơ sở sẽ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đến các trạm xử lý nước thải gần cơ sở để xử lý theo đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A, Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

Thị Hương

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Cơ sở; đầu nối đúng quy định vào nguồn tiếp nhận nước thải; xây dựng hố ga đầu nối nước thải sau xử lý thuận tiện cho công tác kiểm tra, giám sát.

3.4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, xử lý nước thải trước khi xả thải ra môi trường.

3.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Thư



**PHỤ LỤC 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số1741/GPMT-SNNMT-CCBVMT
ngày ..23... tháng ..10... năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Cơ sở không có nguồn phát sinh khí thải thuộc đối tượng cấp phép.

Thư

PHỤ LỤC 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số1741.../GPMT-SNNMT-CCBVM
ngày tháng năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động máy phát điện dự phòng số 01, công suất 800 kVA.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động máy phát điện dự phòng số 02, công suất 800 kVA.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ máy bơm, máy thổi khí tại nhà điều hành của hệ thống xử lý nước thải, công suất 120 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung từ hệ thống máy lạnh điều hòa trung tâm.
- Nguồn số 05: Tiếng ồn, độ rung từ hệ thống quạt hút mùi của khu vực chế biến thực phẩm.

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

Thư

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị giới hạn cho phép đối với mức ồn phát sinh, mức gia tốc rung phải đáp ứng quy định tương ứng tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên kiểm tra lượng dầu bôi trơn và dầu trong máy; không để máy hoạt động quá tải, bảo dưỡng máy định kỳ.
- Lắp đặt đệm chống rung bằng đệm cao su cho máy thổi khí trong hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo độ cân bằng máy móc khi hoạt động.
- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy; độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.
- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng hệ thống máy lạnh và thay mới các linh kiện thiết bị để hạn chế việc xảy sự cố.
- Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên cơ sở.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của cơ sở, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của cơ sở.

Thịanna



PHỤ LỤC 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số1741..../GPMT-SNNMT-CCBVMT
ngày ...23... tháng ...10... năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	80
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	10
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị có các linh kiện điện tử	16 01 13	Rắn	10
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	50
5	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	10
6	Bao bì cứng bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	18 01 02	Rắn	10
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	10
8	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác (composite,...)	18 01 04	Rắn	20
9	Chất hấp phụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	18 02 01	Rắn	20
Tổng khối lượng				220

Thư

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 13	05 m ³ /năm
2	Dầu mỡ thải (bể tách mỡ)	12 06 11	36 m ³ /năm
3	Bùn thải từ bể tự hoại	06 02 10	10 m ³ /năm
4	Phế liệu (thùng carton, bao bì nilon)	-	85.000 kg/năm
5	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất như mực in văn phòng, sách báo) thải khác	08 02 08	100 kg/năm

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 216 tấn/năm.

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công kênh: thành phần chủ yếu như tủ, kệ, bàn ghế cũ hỏng, đồ sành sứ, thủy tinh vỡ khối lượng phát sinh khoảng 50 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 10 thùng chứa có nắp đậy (02 thùng dung tích 240 lít, 03 thùng dung tích 120 lít, 05 thùng dung tích 55 lít), bên ngoài thùng được dán tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích: 05 m².

- Vị trí: tại tầng trệt (cạnh hệ thống xử lý nước thải của cơ sở).

- Thiết kế, cấu tạo: Phòng chứa chất thải nguy hại được bố trí có nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn để phòng trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ chất thải ra ngoài, có mái che, có cửa khóa, có biển cảnh báo; có trang bị bình chữa cháy, vật liệu thấm hút để ứng phó khi có sự cố xảy ra, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp

Thịanna

thông thường.

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được lưu chứa trong bể chứa bùn có thể tích $7,5 \text{ m}^3$.

- Bùn thải từ bể tự hoại được lưu chứa tại 02 bể tự hoại, mỗi bể có thể tích $43,6 \text{ m}^3$.

- Dầu mỡ thải được lưu chứa trong bể tách mỡ có thể tích $61,5 \text{ m}^3$.

- Phế liệu (thùng carton, bao bì nilon) lưu chứa tại kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp.

- + Diện tích: 18 m^2 .

- + Vị trí: tại tầng trệt.

- + Thiết kế, cấu tạo: khu vực lưu chứa có tường, nền gạch, mái tôn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí 04 thùng dung tích 660 lít, 04 thùng dung tích 120 lít, có nắp đậy, có dán nhãn phân loại.

2.3.2. Kho lưu chứa

- Diện tích: 12 m^2 .

- Vị trí: tại tầng trệt

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa có tường, nền gạch, mái tôn, có bố trí hố thu gom nước vệ sinh thùng chứa để dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công kênh

Chủ cơ sở có bố trí khu vực lưu chứa chất thải rắn công kênh tại tầng trệt, bố trí chung với khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường có diện tích 18 m^2 .

2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt.

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thoát khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

Thư

– Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

– Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Thư

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số1741..../GPMT-SNNMT-CCBVM
ngày tháng năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 246/QĐ-TNMT-CCBVM ngày 08 tháng 02 năm 2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường; không còn hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.

4. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện), không có hệ thống xử lý khí thải, tuy nhiên nhiên liệu sử dụng phải là nhiên liệu sạch, đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành về an toàn lao động, quản lý hóa chất, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết./

Thư

